ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 50 /2023/QĐ-UBND	*Long An, ngày 18 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Căn cứ Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh năm 2024*;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình 5951/TTr-STC ngày 13/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Long An, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

a) Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

b) Theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước đã được sửa đổi tại Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

c) Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

d) Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 101 và khoản 4 Điều 102 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

e) Các trường hợp khác phải áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hệ số điều chỉnh giá đất:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

STT	Địa bàn	Hệ số điều chỉnh
I	**THÀNH PHỐ TÂN AN**	
1	Các phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	2,4
2	Phường Tân Khánh, phường Khánh Hậu và các xã: An Vĩnh Ngãi, Lợi Bình Nhơn, Bình Tâm, Hướng Thọ Phú, Nhơn Thạnh Trung	2,2
II	**HUYỆN TÂN TRỤ**	
1	Thị trấn Tân Trụ	2,2
2	Các xã: Bình Lãng, Lạc Tấn, Quê Mỹ Thạnh, Tân Bình, Bình Tịnh	2
3	Các xã: Tân Phước Tây, Bình Trinh Đông, Nhựt Ninh, Đức Tân	1,8
III	**HUYỆN CHÂU THÀNH**	
1	Thị trấn Tầm Vu	1,8
2	Các xã: Hòa Phú, Bình Quới, Hiệp Thạnh, Dương Xuân Hội, Vĩnh Công, Phú Ngãi Trị, Long Trì	1,6
3	Các xã: An Lục Long, Phước Tân Hưng, Thanh Phú Long, Thanh Vĩnh Đông, Thuận Mỹ	1,4
IV	**HUYỆN THỦ THỪA**	
1	Thị trấn Thủ Thừa	2,2
2	Các xã: Bình Thạnh, Nhị Thành (phía Đông từ rạch cây Gáo, phía Tây từ rạch cây Gáo), Bình An, Mỹ An (phía Đông), Mỹ Phú	2

STT	Địa bàn	Hệ số điều chỉnh
3	Các xã: Mỹ An (phía Tây từ rạch hàng Bần – Tiền Giang), Tân Thành, Mỹ Thạnh, Mỹ Lạc, Long Thuận, Long Thạnh, Tân Long	1,8
V	**HUYỆN BẾN LỨC**	
1	Thị trấn Bến Lức	2
2	Các xã: Mỹ Yên, Phước Lợi, Tân Bửu, Thanh Phú, Long Hiệp, Nhựt Chánh, An Thạnh, Thạnh Đức	1,7
3	Các xã: Lương Hòa, Lương Bình, Thạnh Lợi, Tân Hòa, Bình Đức, Thạnh Hòa	1,4
VI	**HUYỆN CẦN ĐƯỚC**	
1	Thị trấn Cần Đước	1,6
2	Các xã: Long Cang, Long Định, Long Hòa, Long Hựu Đông, Long Hựu Tây, Long Khê, Long Sơn, Long Trạch, Mỹ Lệ, Phước Đông, Phước Tuy, Phước Vân, Tân Ân, Tân Chánh, Tân Lân, Tân Trạch	1,4
VII	**HUYỆN CẦN GIUỘC**	
1	Thị trấn Cần Giuộc	2
2	Các xã: Mỹ Lộc, Long Hậu, Phước Lý, Long Thượng	1,8
3	Các xã: Thuận Thành, Phước Lâm, Phước Hậu, Tân Tập, Long An, Phước Lại, Phước Vĩnh Tây, Phước Vĩnh Đông, Đông Thạnh, Long Phụng	1,6
VIII	**HUYỆN ĐỨC HÒA**	
1	Thị trấn Đức Hòa, thị trấn Hậu Nghĩa	2
2	Các xã: Đức Hòa Hạ, Đức Hòa Đông, Mỹ Hạnh Nam, Mỹ Hạnh Bắc, Đức Lập Thượng, Đức Lập Hạ	1,8
3	Thị trấn Hiệp Hòa và các xã: Hựu Thạnh, Đức Hòa Thượng, Hòa Khánh Đông, Tân Mỹ, An Ninh Đông, Hòa Khánh Tây, Tân Phú, Hòa Khánh Nam, Hiệp Hòa, An Ninh Tây, Lộc Giang	1,5
IX	**HUYỆN ĐỨC HUỆ**	
1	Thị trấn Đông Thành	2,1
2	Các xã: Bình Hòa Nam, Mỹ Quý Tây, Mỹ Thạnh Đông, Mỹ Thạnh Bắc, Bình Hòa Bắc	1,8

STT	Địa bàn	Hệ số điều chỉnh
3	Các xã: Bình Hòa Hưng, Mỹ Quý Đông, Mỹ Thạnh Tây, Mỹ Bình, Bình Thành	1,5
X	**HUYỆN THẠNH HÓA**	
1	Thị trấn Thạnh Hóa	2
2	Các xã: Tân Đông, Thuận Nghĩa Hòa, Tân Tây, Thủy Đông, Thủy Tây, Thạnh Phước, Thạnh Phú, Tân Hiệp	1,8
3	Các xã: Thuận Bình, Thạnh An	1,6
XI	**HUYỆN TÂN THẠNH**	
1	Thị trấn Tân Thạnh	2,2
2	Các xã: Nhơn Ninh, Tân Ninh, Tân Thành, Hậu Thạnh Đông, Nhơn Hòa, Tân Bình, Kiến Bình	2,0
3	Các xã: Nhơn Hòa Lập, Tân Lập, Hậu Thạnh Tây, Bắc Hòa, Tân Hòa	1,8
XII	**THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG**	
1	Phường 1, phường 2, phường 3	2,1
2	Các xã: Bình Hiệp, Bình Tân, Tuyên Thạnh, Thạnh Hưng, Thạnh Trị	1,8
XIII	**HUYỆN MỘC HÓA**	
1	Thị trấn Bình Phong Thạnh	2,1
2	Các xã: Bình Hòa Đông, Bình Hòa Tây, Bình Hòa Trung, Bình Thạnh, Tân Lập, Tân Thành	1,8
XIV	**HUYỆN VĨNH HƯNG**	
1	Thị trấn Vĩnh Hưng	2
2	Các xã: Hưng Điền A, Khánh Hưng, Thái Bình Trung, Thái Trị, Tuyên Bình, Tuyên Bình Tây, Vĩnh Bình, Vĩnh Trị, Vĩnh Thuận	1,8
XV	**HUYỆN TÂN HƯNG**	
1	Thị trấn Tân Hưng	2
2	Các xã: Vĩnh Châu B, Vĩnh Châu A, Vĩnh Bửu, Vĩnh Đại, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh, Hưng Thạnh, Hưng Điền B, Hưng Điền, Hưng Hà, Thạnh Hưng	1,8
Ghi chú: đối với loại đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc địa bàn nào thì áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất của địa bàn đó.		

3. Cơ quan tài chính, cơ quan thuế có trách nhiệm căn cứ giá đất trong Bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh và hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh và tại Quyết định này để xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024 và thay thế Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC)
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- TT.UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: THKSTTHC, KTTC, VHXH;
- Ban Nội chính - TCD;
- Lưu: VT, Nguyên.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Huỳnh Văn Sơn